

Ngày	15,100 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.0%	1.3%	-6.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,007 - 16,717
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,042
Số lượng CPLH (CP)	68,998,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	132,907
Sở hữu nước ngoài	12.8%
Beta	0.32
EPS	1,829
P/E	8.3

DT thuần

Q1/24

58.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.9| -37.4%

YoY: ▼8.30| -12.4%

LN trước thuế

Q1/24

20.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.50| 71.5%

YoY: ▼4.90| -19.3%

LN sau thuế

Q1/24

15.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.59| 71.7%

YoY: ▼3.40| -17.6%

ROA

2023

9.3%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

2023

431

tỷ VNĐ

YoY: ▼24.0| -5.4%

LN trước thuế

2023

164

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -15.0%

LN sau thuế

2023

130

tỷ VNĐ

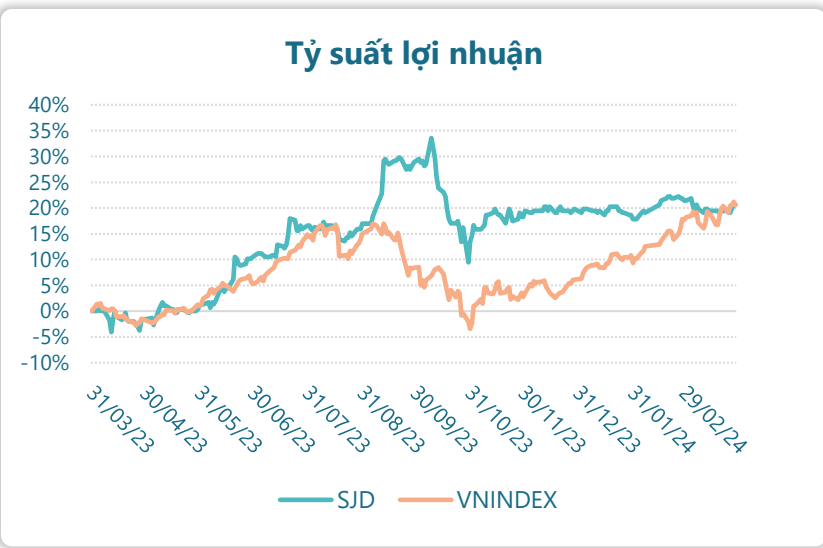
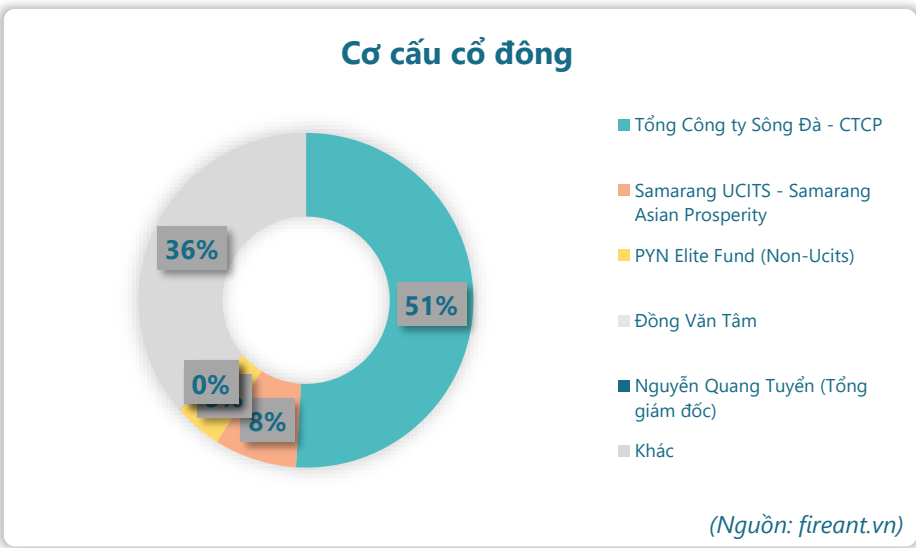
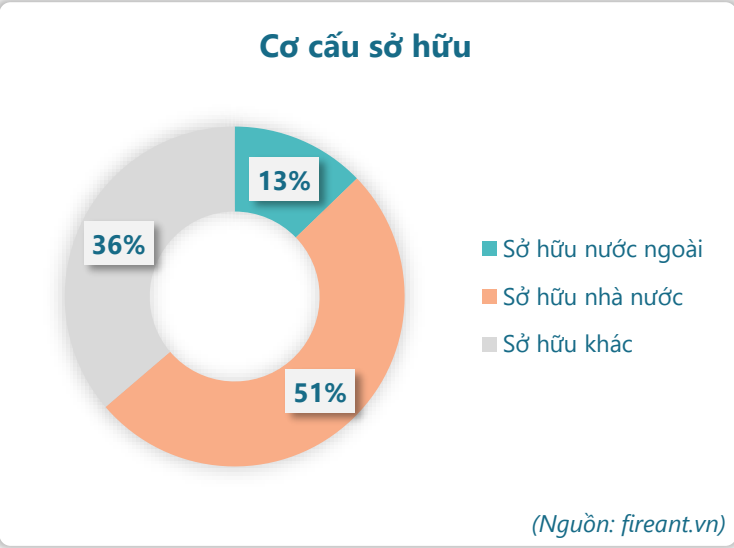
YoY: ▼24.0| -15.6%

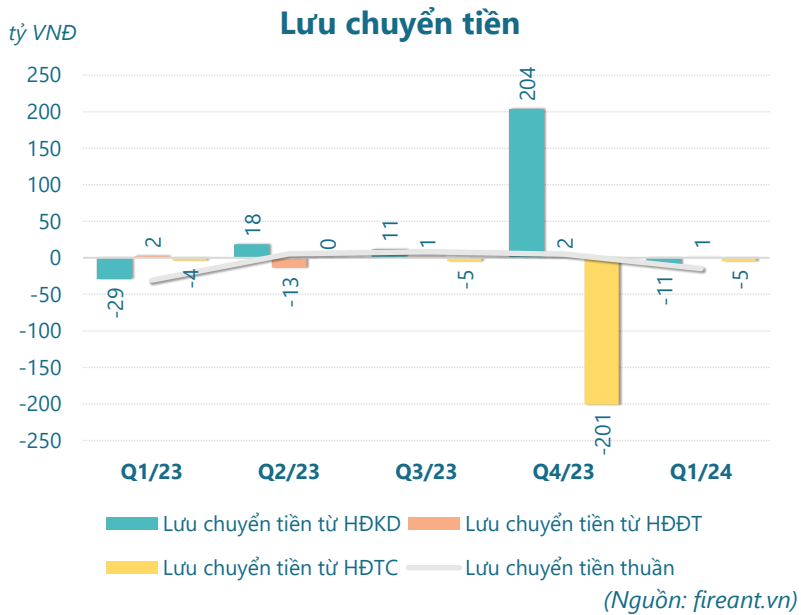
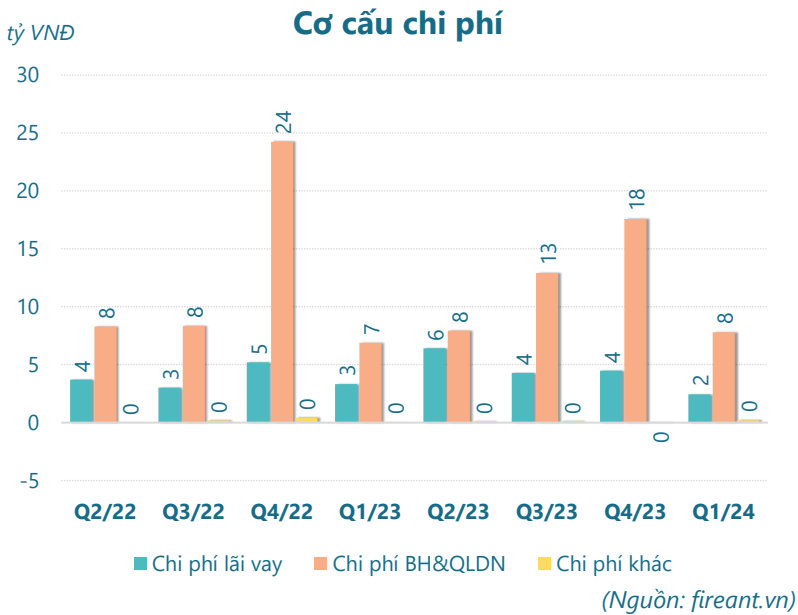
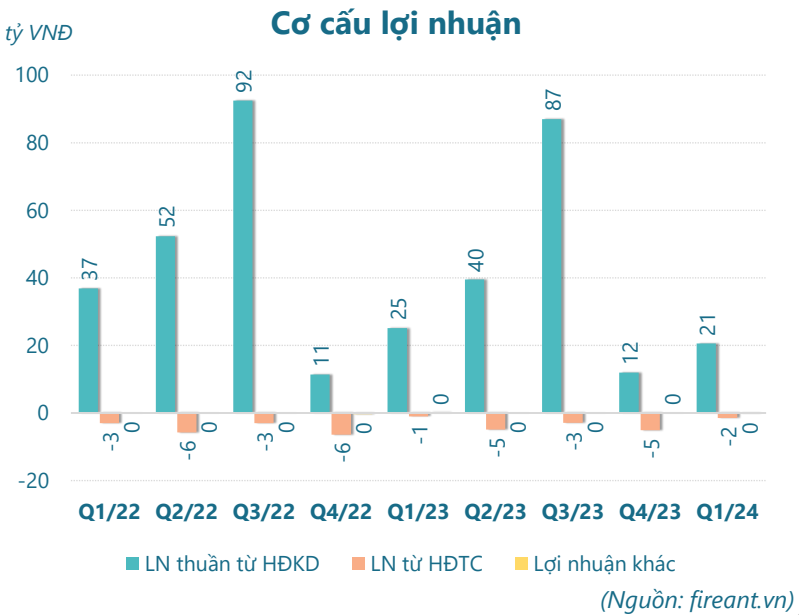
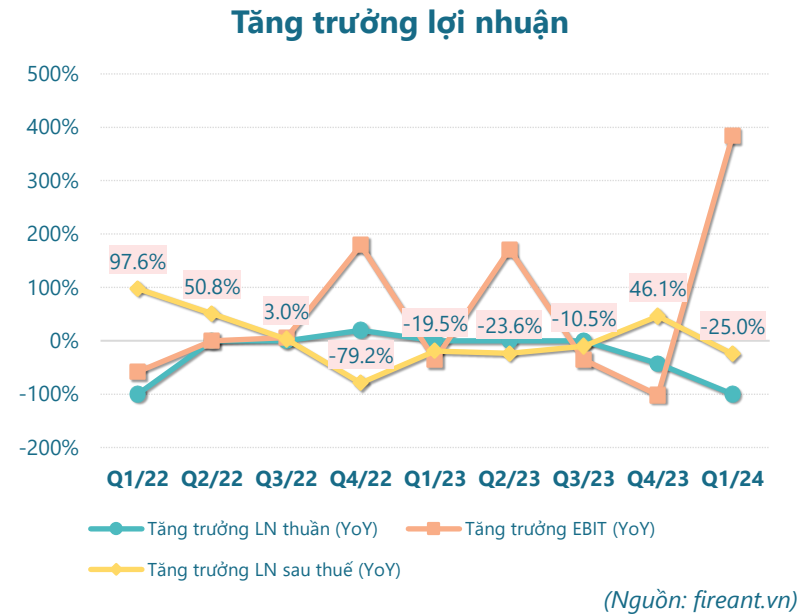
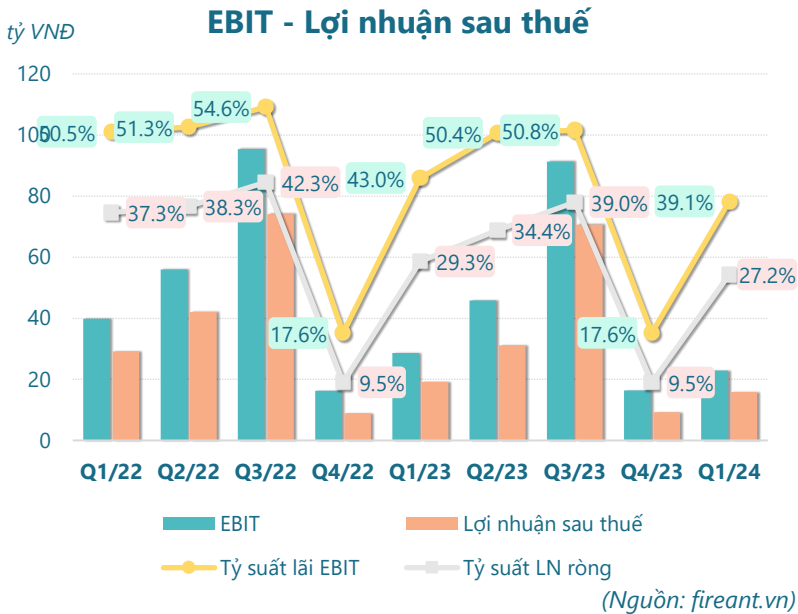
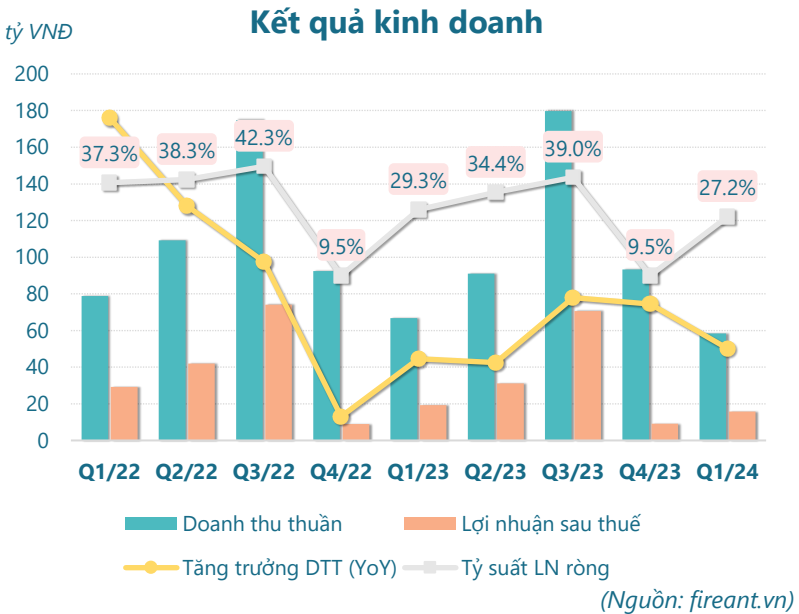
ROE

2023

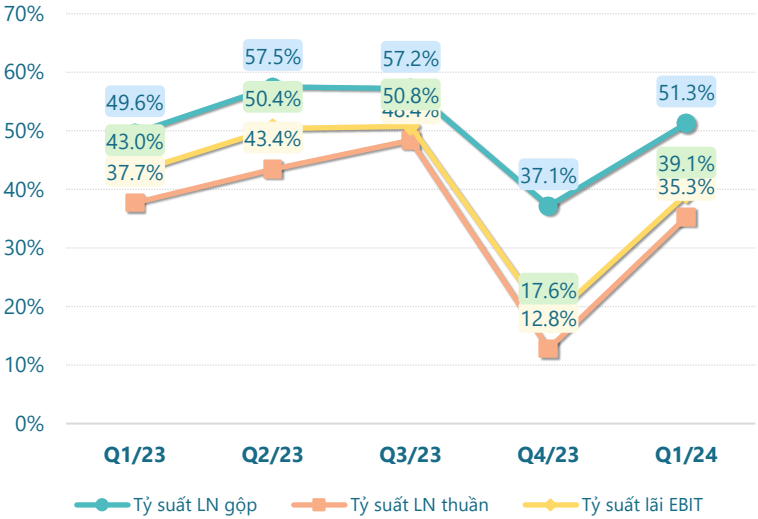
12.3%

+/- YoY: ▼ 2.7%



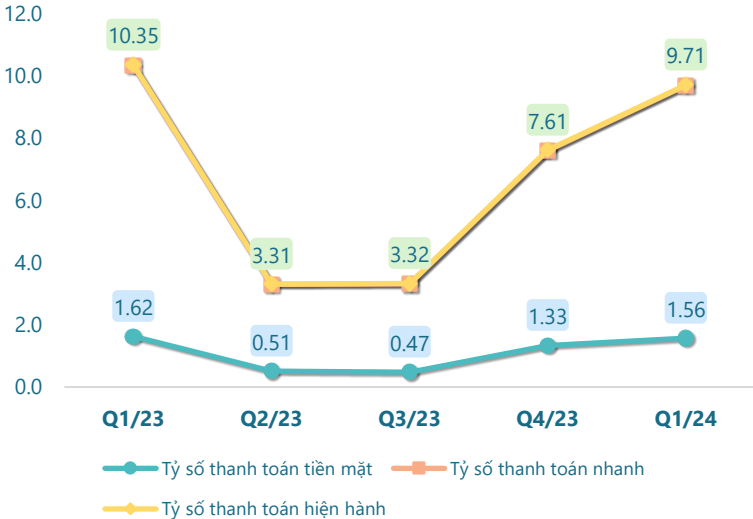


Tỷ suất lợi nhuận



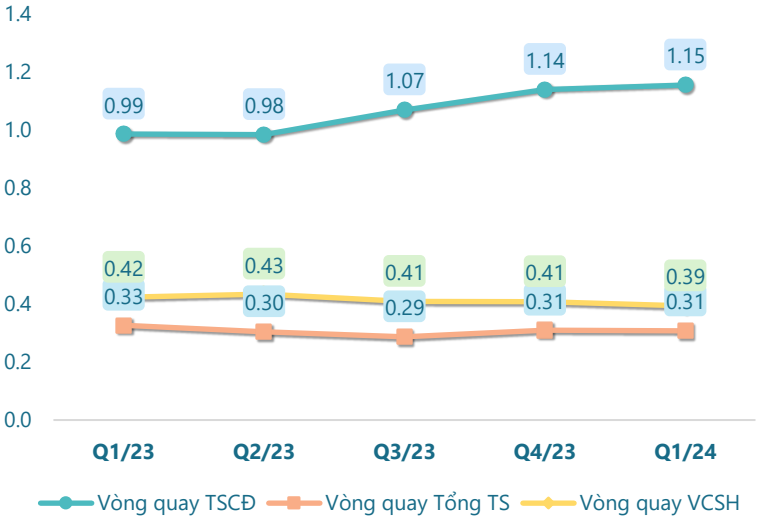
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



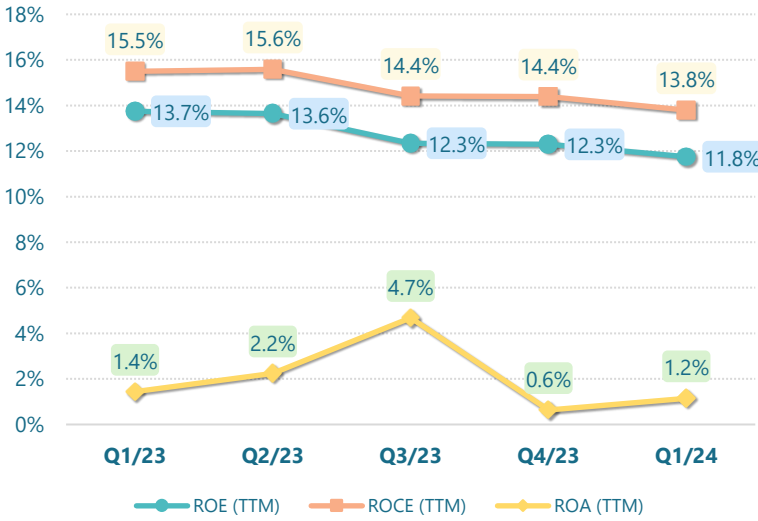
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



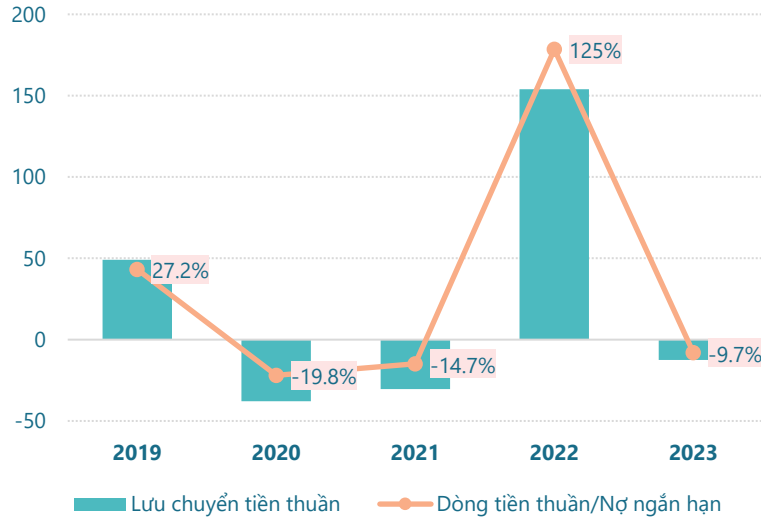
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



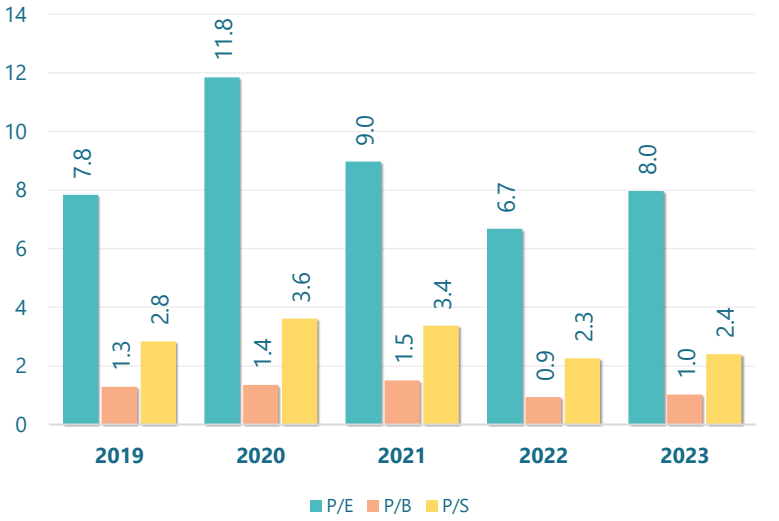
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)